

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 206 /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 25 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động
của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVIII,
KỲ HỌP LẦN THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước
năm 2015;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;*

*Xét Tờ trình số 1838/TTr-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Đề án kiện toàn tổ
chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình (Có nội dung Đề án kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 25 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành. / *quh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội Nông dân Việt Nam;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình,
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



Trần Hải Châu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
KIỆN TOÀN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Nghị quyết số 206 /NĐ-HĐND ngày 25 /10/2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG, HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thành lập năm 1996 trên cơ sở Thông báo số 06 - TB/TV ngày 20/5/1996 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Công văn số 319/CV-UB ngày 03/6/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh. Ngày 11/8/2015, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 240-QĐ/HNDT về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh Quảng Bình.

Quỹ Hỗ trợ nông dân hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân (ban hành theo Quyết định số 908-QĐ/HNDT ngày 15/11/2011 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam); Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam và các văn bản hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Thực hiện Kết luận số 61 KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư, Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 17/7/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, những năm qua Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp trong tỉnh đã có bước phát triển khá.

1. Kết quả hoạt động

a) Về phát triển nguồn vốn

Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Quảng Bình từ khi thành lập đến nay được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vận động và nguồn bổ sung từ hoạt động đạt 45.690 triệu đồng, trong đó ngân sách tỉnh chuyển sang: 44.340 triệu đồng; nguồn vận động ủng hộ: 281,7 triệu đồng; nguồn bổ sung từ hoạt động 1.068,3 triệu đồng.

Số liệu chi tiết nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

ĐVT: triệu đồng

Nguồn vốn	Năm						Tổng cộng
	Trước 2020	2020	2021	2022	2023	6 tháng 2024	
Ngân sách tỉnh cấp	12.340	5.000	6.000	7.000	7.000	7.000	44.340
Bổ sung từ hoạt động	328,3	110	170	240	220	-	1.068,3

Nguồn vốn	Năm						Tổng cộng
	Trước 2020	2020	2021	2022	2023	6 tháng 2024	
Nguồn ủng hộ	280,45	1,25	-	-	-	-	281,7
Tổng cộng	12.948,75	5.111,25	6.170	7.240	7.220	7.000	45.690

b) Về sử dụng vốn

Hoạt động cho vay của Quỹ thực hiện thống nhất theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, quy định của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam nhằm khai thác, phát huy lợi thế của tổ chức Hội trong việc lựa chọn địa bàn, mô hình xây dựng, thẩm định, giải ngân, kiểm tra, giám sát dự án¹. Từ khi thành lập đến ngày 15/5/2024, nguồn vốn Quỹ được sử dụng cho vay triệt để, không có tồn đọng vốn. Doanh số cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp từ khi thành lập đến nay đạt gần 290 tỷ đồng với trên 7.200 lượt hộ vay. Dư nợ đến thời điểm 15/7/2024 là 45.690 triệu đồng.

Bảng chi tiết sử dụng vốn qua các năm của Quỹ HTND tỉnh

Đơn vị tính: dự án, hộ, triệu đồng

Năm	Số liệu đầu kỳ			Phát sinh trong kỳ						Số liệu cuối kỳ		
	Số dự án	Số hộ vay	Số tiền	Thu nợ			Cho vay			Số dự án	Số hộ vay	Số tiền
				Số dự án	Số hộ vay	Số tiền	Số dự án	Số hộ vay	Số tiền			
2020	66	270	12.920	22	81	3.175	38	169	8.300	82	358	18.045
2021	82	358	18.045	21	96	5.210	41	222	11.210	102	485	24.045
2022	102	485	24.045	34	123	6.625	43	273	13.850	111	635	31.270
2023	111	635	31.270	45	207	9.900	57	325	17.100	123	753	38.470
6/2024	123	753	38.470	30	188	9.760	27	235	16.980	120	800	45.690

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là một trong các quỹ tài chính nhà nước hoạt động hiệu quả; hỗ trợ cho vay lãi suất thấp so với lãi suất của các ngân hàng thương mại; hạn mức cho vay phù hợp với mặt bằng sản xuất kinh doanh và khả năng chi trả của đối tượng vay; thời gian cho vay, các điều kiện, tiêu chí cho vay phù hợp; thủ tục vay vốn đơn giản, bảo đảm cho các đối tượng tiếp cận nguồn vốn vay nhanh. Tuy nguồn lực tài chính còn hạn chế nhưng Quỹ đã khẳng định là kênh tín dụng thiết thực, điểm tựa hỗ trợ vốn của nhà nông;

¹ Hiện nay Quỹ cho vay tối đa 100 triệu đồng/hộ, một dự án từ 300 triệu đồng đến 1,2 tỷ đồng, số hộ tham gia tối thiểu 05 hộ/dự án; thời gian vay tùy loại hình sản xuất, kinh doanh (theo chu kỳ cây, con), tối đa 60 tháng

nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, không có nợ xấu, không có dự án phải khoanh nợ. Hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được thể hiện qua các mặt sau:

- *Hiệu quả kinh tế:* Quỹ cho vay theo dự án nhóm hộ (*cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, ngành nghề*); đối tượng vay chủ yếu là các hộ trung bình, khá, có quyết tâm khát vọng làm giàu, nòng cốt phát huy tối đa hiệu quả vốn vay, tính tương trợ, đoàn kết giúp đỡ giữa các hộ vay, thông qua đó đã hình thành cách thức làm việc theo nhóm, thành lập các Tổ Hội nông dân nghề nghiệp, Chi Hội nông dân nghề nghiệp² là nền móng vững chắc của Tổ hợp tác, Hợp tác xã nông nghiệp³, những mắt xích quan trọng của liên kết hợp tác sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp vì ba mục tiêu: năng suất cao, chất lượng cao, giá trị cao. Các dự án đều sử dụng vốn vay hiệu quả, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người vay, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp, phát triển lên Hợp tác xã hoạt động hiệu quả; một số dự án ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất thành công, nhiều sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của tỉnh.

- *Hiệu quả chính trị:* Quỹ Hỗ trợ nông dân là kênh hỗ trợ vốn hữu hiệu, nơi chuyển tải kịp thời và hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đến đúng đối tượng thụ hưởng; Quỹ là công cụ, điều kiện quan trọng để Hội Nông dân thu hút, tập hợp, vận động hội viên nông dân tham gia sinh hoạt, củng cố niềm tin của hội viên với tổ chức Hội; tiếp thêm nguồn lực nâng cao chất lượng công tác Hội và phong trào nông dân. Nguồn vốn Quỹ đã góp phần vào thành công và lan toả phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững, trở thành điểm sáng trong đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn, thông qua đó đã xuất hiện nhiều tấm gương hội viên nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân Việt Nam xuất sắc⁴...khẳng định tổ chức Hội thực sự là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và xây dựng nông thôn mới.

- *Hiệu quả xã hội:* Từ việc cho vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao đời sống của nông dân, tăng thu nhập, giảm nghèo, nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề và các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo thêm việc làm mới, việc làm tại chỗ, hạn chế tình trạng ly hương, giúp nông dân ổn định, yên tâm, gắn bó làm giàu trên quê hương; hỗ trợ hội viên nông dân kịp thời về vốn sản xuất, kinh doanh, hạn chế tình trạng “tín dụng đen” hoạt động trên địa bàn nông

² Hội đã thành lập 54 chi hội, 312 tổ hội nông dân nghề nghiệp.

³ Hội đã hướng dẫn thành lập trên 179 tổ hợp tác, 88 hợp tác xã nông nghiệp

⁴ Hằng năm có trên 77.000 hộ nông dân đạt danh hiệu nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp; 11 hội viên được tôn vinh Nông dân Việt Nam xuất sắc.

thôn, giảm tệ nạn xã hội góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội.

- *Hiệu quả môi trường:* Thông qua các dự án vay vốn Quỹ, thực hiện chỉ tiêu thi đua hàng năm được Trung ương Hội giao hội viên nông dân tham gia sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm phải đăng ký, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm. Hội có điều kiện tuyên truyền, theo dõi để giúp đỡ hội viên nông dân đưa các sản phẩm an toàn, chất lượng đến tay người tiêu dùng.

- *Hiệu quả hoạt động tài chính:* Quỹ hoạt động bảo toàn và phát triển nguồn vốn, là kênh dẫn vốn hiệu quả. Kết quả tài chính hàng năm bảo đảm theo kế hoạch, hiệu quả. Dư nợ năm sau cao hơn năm trước, không tồn đọng vốn, không có nợ quá hạn, trích lập Quỹ dự phòng rủi ro bảo đảm đúng quy định, kết chuyển kinh phí bổ sung nguồn vốn. Quỹ chấp hành nghiêm túc pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn; chế độ báo cáo và giám sát tài chính.

Bảng kết quả hoạt động tài chính giai đoạn 2020 - 2024

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến 2019	Kết quả giai đoạn 2020 - 2024					Lũy kế đến hết 6/2024
			2020	2021	2022	2023	6 tháng 2024	
I	Nguồn vốn		5.110	6.170	7.240	7.220	7.260	45.69
1	Vốn ngân sách cấp các năm	12.34	5.000	6.000	7.000	7.000	7.000	44.34
2	Vốn bổ sung từ Quỹ dự trữ bổ sung nguồn....)	328,3	110	170	240	220	-	1.068,3
3	Vốn khác (ủng hộ)	281,7						281,7
II	Vốn ủy thác từ TW Hội	15.55					1.00	16.55
III	Thu nhập		783,01	939,17	1.146,73	1.446,09	1.663,39	
1	Thu phí từ hoạt động cho vay vốn quỹ HTND tỉnh, phần tỉnh hưởng: 3,36%/năm		550,65	708,69	926,72	1.214,32	1.413,89	
2	Thu phí từ hoạt động nhận ủy thác (phần tỉnh hưởng: 1,5%/năm)		229,86	228,08	217,46	222,36	244,50	
3	Thu khác (lãi tiền gửi ngân hàng...)		2,50	2,40	2,55	9,41	5,00	
IV	Chi phí		608,60	718,57	838,33	1.115,33	1.306,81	

TT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến 2019	Kết quả giai đoạn 2020 - 2024					Lũy kế đến hết 6/2024
			2020	2021	2022	2023	6 tháng 2024	
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ (trích lập dự phòng rủi ro)	455,66	162,44	214,61	281,43	346,23	411,21	
2	Chi quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân (phụ cấp, công tác phí, đào tạo, tập huấn, truyền truyền, hội nghị, hội thảo, chi khác...)		446,16	503,96	556,90	769,10	895,60	
V	Kết quả tài chính (Thu - Chi)		174,41	220,60	308,40	330,76	356,58	
VI	Phân phối kết quả tài chính	423,76	174,41	220,60	308,40	330,78	356,58	
1	Trích quỹ đầu tư mua sắm TSCĐ (quỹ đầu tư phát triển) (20%)	50,98	36,41	44,11	61,68	66,16	71,32	
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Không quá 3 tháng lương, phụ cấp)	44,48	28,00	6,49	6,72	44,62	25,26	
3	Trích quỹ bổ sung nguồn vốn	328,30	110,00	170,00	240,00	220,00	260,00	

II. MỤC TIÊU, SỰ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA VIỆC TIẾP TỤC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN; NHU CẦU HỖ TRỢ NÔNG DÂN TẠI TỈNH; TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH

1. Mục tiêu

Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, xây dựng quy mô nguồn vốn ngày càng phát triển, hỗ trợ hội viên nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân; thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức Hội, góp phần xây dựng Hội Nông dân ngày càng vững mạnh; tổ chức tốt và

nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào nông dân, nhất là phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; phong trào thi đua “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể”; phát huy vai trò nòng cốt của Hội Nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2. Sự cần thiết và tính khả thi

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/ 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã khẳng định: *“Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế. Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới”*. Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới trong đó đưa ra giải pháp về *“Nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân; mở rộng mô hình Hội Nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh”*.

Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 22/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đưa ra giải pháp: *“Nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân; tăng cường mô hình hội nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Chính quyền các cấp tăng cường quản lý, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước, vận động nguồn lực xã hội để cấp vốn điều lệ hằng năm cho Quỹ Hỗ trợ nông dân, đảm bảo đủ nguồn vốn để xây dựng các mô hình điểm trong phát triển nông nghiệp ở nông thôn”*.

Quỹ Hỗ trợ nông dân tiếp tục khẳng định vai trò trong việc kết nối, tập hợp hội viên nông dân cùng ngành nghề, lợi ích, khát vọng làm giàu; hỗ trợ vốn cho hội viên nông dân tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh, liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Việc cho vay theo dự án nhóm hộ đã phát huy thế mạnh ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của địa phương để xây dựng Chi, Tổ hội nông dân nghề nghiệp, đồng thời làm nền tảng cho việc thành lập Tổ hợp tác, Hợp tác xã theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có những ưu điểm: Bộ máy tổ chức gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phần lớn chênh lệch thu chi từ hoạt động của Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn hoạt động, tiếp tục cho vay quay vòng; Cách thức tổ chức hoạt động cho vay của Quỹ đơn giản nhưng hiệu quả nhờ tận dụng lợi thế mạng lưới rộng khắp của tổ chức Hội. Chất lượng tín dụng được bảo đảm, không có nợ xấu; Cán bộ, công chức của Hội Nông dân thực hiện công tác cho vay đã phát huy lợi thế nắm rõ địa bàn, thẩm định cho vay sát thực tế, thường xuyên theo dõi

các hộ vay vốn sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích, quản lý vốn vay hiệu quả; Người vay có đủ năng lực pháp luật, hành vi dân sự theo quy định của Bộ Luật dân sự, có dự án xin vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp, phương án sử dụng vốn khả thi, đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, có khả năng tài chính bảo đảm trả nợ trong thời hạn cam kết. Với cách tiếp cận nguồn vốn thuận lợi, thủ tục vay đơn giản, bảo đảm tiền vay bằng tín chấp của Hội Nông dân cấp xã đã kịp thời trợ giúp nông dân thiếu vốn để phát triển sản xuất, góp phần đẩy lùi nạn “tín dụng đen” ở nông thôn.

Do đó, để bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình triển khai hoạt động, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là cần thiết trong quá trình phát triển, là cơ sở pháp lý quan trọng để Quỹ hoạt động và phát triển trong giai đoạn mới. Đây vừa là nhiệm vụ, vừa là điều kiện cần thiết trong việc đổi mới phương thức hoạt động, tập hợp, vận động nông dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

3. Nhu cầu hỗ trợ vốn của nông dân trong tỉnh

Toàn tỉnh hiện có trên 160.000 hội viên nông dân sinh hoạt ở 1.249 Chi hội, 150 cơ sở Hội; trên 77.000 hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp; 312 Tổ hội nghề nghiệp, 54 Chi hội nghề nghiệp; 88 Hợp tác xã, 179 Tổ hợp tác. Hiện nay nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân mới chỉ đáp ứng được nhu cầu vay vốn của khoảng 5% số hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, 10% thành viên các mô hình kinh tế tập thể do Hội Nông dân trực tiếp hướng dẫn thành lập. Thực tế các trang trại, mô hình kinh tế tập thể rất khó khăn trong việc tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính sách hỗ trợ từ các ngân hàng vì không bảo đảm các tiêu chí được vay vốn, do đó Quỹ Hỗ trợ nông dân thực sự là kênh dẫn vốn tín dụng quan trọng để Hội Nông dân các cấp hiện thực hoá chủ trương chính sách hỗ trợ tín dụng của Đảng, Nhà nước đối với nông dân.

4. Đánh giá tác động của việc kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

4.1. Về mặt kinh tế

Tạo điều kiện cho hội viên nông dân được vay vốn thuận lợi, với lãi suất ưu đãi. Với nguồn tài chính dễ tiếp cận các hộ nông dân sẽ phát huy hiệu quả nguồn vốn, đầu tư sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề, tham gia các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, khai thác tiềm năng thế mạnh ở từng địa phương, tạo ra nông sản hàng hóa, dịch vụ chất lượng, hiệu quả cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Giải quyết được vấn đề việc làm của nông dân, thu hút được đông đảo lực lượng lao động dôi dư khu vực nông thôn tham gia sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Hỗ trợ các hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi mạnh dạn đầu tư, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chuỗi giá trị sản phẩm bền vững; xây dựng và nhân rộng các mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến, tạo sự lan toả trong kinh tế nông nghiệp.

4.2. Về chính trị - xã hội

Duy trì và phát triển một kênh hỗ trợ tín dụng ưu đãi hết sức quan trọng về nguồn vốn đối với hội viên, nông dân góp phần hiện thực hoá chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế hộ, kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, góp phần khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước trong phát triển đất nước, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội tiếp cận và được thụ hưởng thành quả của phát triển kinh tế - xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Tăng cường tình đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong hội viên, nông dân, tạo sự ổn định xã hội ở nông thôn; hạn chế chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành phố; thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức Hội Nông dân, thực hiện tốt giải pháp về nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân, mở rộng mô hình Hội Nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất, góp phần đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Hội theo hướng thiết thực, hiệu quả; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Hội; khẳng định vai trò trung tâm, nòng cốt của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Như vậy, với những lợi ích đem lại cho người nông dân và tổ chức Hội Nông dân cũng như những tác động chính trị- xã hội, có thể khẳng định việc kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là giải pháp cơ bản, quan trọng góp phần phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nông dân văn minh.

III. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên gọi và địa điểm trụ sở

- a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình
- b) Tên quốc tế: Quang Binh Provincial Farmers Support Fund
- c) Tên viết tắt: Quỹ HTND tỉnh Quảng Bình
- d) Địa chỉ trụ sở: Đặt tại cơ quan Hội Nông dân tỉnh Quảng Bình, số 43, đường Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Quảng Bình; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân (*Nghị định số 37/2023/NĐ-CP*).

b) Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

c) Người đại diện pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân là Giám đốc Quỹ.

IV. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

1. Nguyên tắc hoạt động

- a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn;
- b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân;
- c) Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động

- a) Hỗ trợ hội viên Hội Nông dân tỉnh Quảng Bình xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân;
- b) Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

3. Phạm vi hoạt động

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động trên phạm vi tỉnh Quảng Bình.

V. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN

1. Chức năng, nhiệm vụ

- a) Tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về xây dựng, quản lý, phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện;
- c) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước;
- d) Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- e) Cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh;
- g) Nhận ủy thác cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, Hội Nông dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- h) Ủy thác cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện, Hội Nông dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ cho vay;
- i) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Thường vụ, Thường trực Hội Nông dân tỉnh giao.

2. Trách nhiệm, quyền hạn

2.1. Trách nhiệm

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;
- b) Thực hiện các quy định về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

2.2. Quyền hạn

- a) Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- b) Được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;
- c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- e) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các tổ chức, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân.

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức chung:

a) Cơ cấu tổ chức của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Bình gồm có:

- Hội đồng quản lý;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Điều hành: gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

b) Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định tại các Điều 10, 11, 12 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (nếu có).

2. Hội đồng quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân

a) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân có tối đa 05 thành viên, là cán bộ của cơ quan Hội Nông dân tỉnh hoạt động kiêm nhiệm, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh;
- Một thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- Các thành viên còn lại của Hội đồng quản lý do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh bổ nhiệm.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

c) Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Quảng Bình quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

d) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh:

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý về một trong các lĩnh vực: kinh tế; tài chính; ngân hàng; nông nghiệp và phát triển nông thôn; quản trị kinh doanh; luật; kế toán; kiểm toán.;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

e) Thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý một trong các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; kinh tế; tài chính; ngân hàng; quản trị kinh doanh; luật; kế toán; kiểm toán.

g) Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, đảm bảo một số nội dung sau:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản;

- Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được thể hiện bằng Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản lý;

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có 01 phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được sử dụng con dấu của Hội Nông dân tỉnh.

h) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

- Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân, trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt;

- Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế nội bộ khác theo quy định tại Điều lệ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;

- Giám sát, kiểm tra Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân trong việc chấp hành các chính sách pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý;

- Quyết định mức lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;

- Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền;

- Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát đề trình của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt;

- Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt phương án bố trí nhân sự để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân và các quy định pháp luật có liên quan.

i) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

- Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ; chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ; việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý về nội dung liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Chỉ đạo giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

3. Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân

a) Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân là cán bộ Hội Nông dân tỉnh, do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh bổ nhiệm, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh kiểm soát việc tổ chức, quản lý điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định căn cứ vào quy mô, tính chất và thực tế hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

trợ nông dân tỉnh nhưng tối đa không quá 03 thành viên, trong đó 01 thành viên là Trưởng Ban kiểm soát.

c) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng tối đa không quá 02 nhiệm kỳ.

d) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thành viên Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm làm việc ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật.

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

e) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát:

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chế độ, chính sách; Điều lệ tổ chức và hoạt động; các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính và việc trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật;

- Lập kế hoạch hoạt động; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phân công.

g) Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát, trách nhiệm, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ban Thường vụ Trung ương Hội ban hành áp dụng cho toàn hệ thống Quỹ Hỗ trợ nông dân.

4. Ban Điều hành

a) Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

b) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân:

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

- Có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành: kinh tế, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

- Có kinh nghiệm công tác tại Quỹ Hỗ trợ nông dân ít nhất 05 năm;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; các quy định, hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương và các bộ, ban, ngành, cơ quan liên quan; các quyết định của Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh;

- Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo thẩm quyền;

- Trực tiếp quản lý tài sản, nguồn vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và Hội đồng quản lý theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và các quy định của pháp luật;

- Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền;

- Quyết định tuyển dụng nhân sự dưới hình thức hợp đồng lao động để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

d) Phó Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền;

- Tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền bổ nhiệm, nhiệm kỳ, số lượng của Phó Giám đốc quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

e) Kế toán trưởng Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ Hỗ trợ nông dân, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu

trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

- Kế toán trưởng Quỹ hỗ trợ nông dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể và thẩm quyền bổ nhiệm Kế toán trưởng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

g) Bộ máy giúp việc của Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Là cán bộ cơ quan Hội Nông dân tỉnh được phân công trực tiếp, kiêm nhiệm thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;

- Người lao động được Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động.

- Bộ máy giúp việc đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

VII. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân gồm 8 chương, quy định những nội dung cơ bản sau:

- Chương I: Những quy định chung

Thể hiện tên gọi, địa điểm trụ sở chính, địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Quy định những nguyên tắc, mục tiêu và phạm vi hoạt động; chức năng, nhiệm vụ; trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Chương II: Quy định cơ cấu tổ chức của Quỹ Hỗ trợ nông dân

Thực hiện theo các Điều 9, 10, 11, 12, 13 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP

- Chương III: Quy định hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân

Thực hiện theo Chương IV của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, bao gồm những quy định cơ bản về: Đối tượng và điều kiện cho vay. Thời hạn cho vay. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay. Bảo đảm tiền vay. Thẩm quyền quyết định cho vay. Giới hạn cho vay. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro cho vay. Hội đồng xử lý rủi ro. Nhận ủy thác và ủy thác.

- Chương IV: Quy định về chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Thực hiện theo quy định tại Chương V của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP,

bao gồm những quy định về: Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán. Lập kế hoạch tài chính hàng năm cho Quỹ Hỗ trợ nông dân. Nguyên tắc quản lý tài chính. Nguồn vốn hoạt động. Nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn và tài sản. Bảo đảm an toàn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân. Lương, phụ cấp lương. Thu nhập và chi phí. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính. Chế độ báo cáo tài chính. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Chương V: Quy định về xử lý tranh chấp, giải thể Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Thực hiện theo quy định tại Chương VI của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, bao gồm những nội dung cơ bản về: Xử lý tranh chấp. Các trường hợp giải thể Quỹ Hỗ trợ nông dân. Hội đồng giải thể và quy trình giải thể Quỹ Hỗ trợ nông dân. Trách nhiệm của Quỹ Hỗ trợ nông dân và Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể.

- Chương VI: Quy định về mối quan hệ và trách nhiệm của Hội Nông dân tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước đối với Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Chương VII: Quy định về chế độ thông tin và bảo mật.

- Chương VIII: Quy định về hiệu lực thi hành. Trách nhiệm thi hành Điều lệ. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

VIII. HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ SAU KHI KIẾN TOÀN

1. Nguồn vốn hoạt động

1.1. Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp

Tại thời điểm kiến toàn bộ máy tổ chức và hoạt động (năm 2024), nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được ngân sách tỉnh cấp: 44,34 tỷ đồng.

Tổng vốn điều lệ đến năm 2030 dự kiến 119,34 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn hiện có: 44,34 tỷ đồng

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung từ nguồn chi đầu tư phát triển từ năm 2026 đến năm 2030 khoảng 75 tỷ đồng (*Bảy mươi lăm tỷ đồng*).

1.2. Vốn điều lệ hình thành từ Quỹ đầu tư phát triển, và nguồn vốn hợp pháp khác

Dự kiến đến ngày 31/12/2024: 1,33 tỷ đồng.

Dự kiến đến năm 2030: 6,13 tỷ đồng (tăng 0,5 đến 1,2 tỷ đồng/năm)

1.3. Nguồn vốn vận động ủng hộ

Đến ngày 31/3/2024: 0,28 tỷ đồng

Dự kiến đến năm 2030: 0,88 tỷ đồng. Mỗi năm vận động ủng hộ 10.000 đồng/hội viên (trong đó: 5% số tiền ủng hộ được nhập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, 95% số tiền ủng hộ được nhập Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện).

1.3. Vốn nhận ủy thác từ Trung ương Hội

Đến ngày 31/3/2024: 16,55 tỷ đồng

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định 37/2023/NĐ-CP, vốn ủy thác không thuộc vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và được hạch toán, theo dõi riêng.

2. Kế hoạch vốn điều lệ và sử dụng vốn điều lệ giai đoạn 2026-2030

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm				
		2026	2027	2028	2029	2030
A	Nguồn vốn	15,72	15,82	15,92	16,12	16,32
1	Ngân sách tỉnh cấp trong năm	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
2	Nguồn vận động ủng hộ	0,12	0,12	0,12	0,12	0,12
3	Vốn khác trong năm (Quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ trong năm, vốn khác...)	0,6	0,7	0,8	1,0	1,2
B	Sử dụng vốn					
1	Số dự án tăng thêm	16	16	16	16	16
2	Số hộ vay tăng thêm	160	160	160	160	160
3	Trung bình số vốn/dự án	0,98	0,99	1,00	1,01	1,02

3. Kế hoạch tài chính giai đoạn 2026-2030

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch				
		2026	2027	2028	2029	2030
I	Nguồn vốn	62,17	77,99	93,41	110,03	126,35
1	Vốn tồn đầu năm	46,45	62,17	77,99	93,41	110,03
2	Vốn điều lệ ngân sách tỉnh cấp trong năm	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
3	Nguồn vận động ủng hộ	0,12	0,12	0,12	0,12	0,12
4	Vốn khác trong năm (Quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ trong năm, vốn khác)	0,60	0,70	0,80	1,00	1,2
II	Vốn ủy thác	18	18	20	20	20
III	Thu nhập	5,485	6,837	8,167	9,514	10,86
1	Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn (theo mức hiện tại: 8,4%/năm)	5,207	6,528	7,857	9,202	10,55
2	Thu từ hoạt động nhận ủy thác (phần tính hưởng: 1,5%/năm)	0,270	0,300	0,300	0,300	0,30

TT	Nội dung	Kế hoạch				
		2026	2027	2028	2029	2030
3	Thu khác	0,008	0,009	0,010	0,012	0,012
IV	Chi phí	4,829	6,037	7,223	8,314	9,48
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ	3,124	3,917	4,714	5,521	6,33
1.1	<i>Chi trả phí cho cấp huyện, xã) (theo mức đang thực hiện: 60% x Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn)</i>	3,124	3,917	4,714	5,521	6,33
1.2	<i>Chi trích lập dự phòng rủi ro, xử lý nợ và hoạt động nghiệp vụ khác (Đến 31/12/2024 số dư dự phòng rủi ro trên 1,5 tỷ nên dự kiến giai đoạn 2025-2031 không trích lập)</i>					
2	Chi hoạt động bộ máy	1,625	1,970	2,359	2,593	2,902
2.1	<i>Chi cho cán bộ Quỹ</i>	0,810	1,002	1,194	1,386	1,578
2.2	<i>Chi hoạt động quản lý (công tác phí; VPP; cước phí bưu điện, điện thoại; hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo; kiểm tra, kiểm toán, chi hoạt động khác...)</i>	0,815	0,968	1,165	1,207	1,324
3	Các khoản chi phí khác	0,080	0,150	0,150	0,200	0,250
V	Kết quả tài chính (Thu - Chi)	0,656	0,800	0,944	1,200	1,378
VI	Phân phối kết quả tài chính	0,656	0,800	0,944	1,200	1,378
1	Quỹ đầu tư phát triển	0,500	0,600	0,700	0,900	1,000
2	Quỹ Dự phòng tài chính (10%)	0,066	0,080	0,094	0,120	0,138
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Không quá 3 tháng lương, phụ cấp)	0,060	0,080	0,100	0,120	0,160
4	Quỹ thưởng người quản lý (Không quá 1,5 tháng lương, phụ cấp)	0,030	0,040	0,050	0,060	0,080

4. Hoạt động của Quỹ

4.1. Đối tượng và điều kiện cho vay

4.1.1. Đối tượng vay vốn

a) Là hội viên Hội Nông dân Việt Nam thường trú ở tỉnh Quảng Bình, sinh hoạt tại các chi hội, tổ hội trên địa bàn tỉnh;

b) Có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

4.1.2. Điều kiện cho vay

a) Khách hàng vay vốn phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy

định của pháp luật;

b) Khách hàng vay vốn được ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận cư trú tại địa phương nơi Quỹ Hỗ trợ nông dân cho vay vốn;

c) Có mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp;

d) Phương án vay vốn của khách hàng phải được tập hợp thành phương án chung của nhóm hội viên cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, trên cùng một địa bàn cấp xã. Phương án vay vốn của từng khách hàng và phương án chung của nhóm được Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đánh giá là khả thi, có khả năng trả được nợ vay;

đ) Tại một thời điểm, một khách hàng chỉ được vay vốn tại một phương án chung của nhóm từ Quỹ Hỗ trợ nông dân;

e) Các thành viên trong cùng một hộ gia đình không được phát sinh dư nợ vay tại Quỹ Hỗ trợ nông dân trong cùng một thời điểm.

4.2. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, bảo đảm tiền vay, thẩm quyền quyết định cho vay, giới hạn cho vay

Thực hiện theo quy định của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; các quy định và hướng dẫn nghiệp vụ cho vay Quỹ Hỗ trợ nông dân của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, Hội đồng quản lý và Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

4.3. Hội đồng xử lý rủi ro

Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh làm Chủ tịch và các thành viên gồm: Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và 02 thành viên khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định.

Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

4.4. Trích lập các quỹ

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện việc trích lập các quỹ dự phòng rủi ro, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi... theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

4.5. Nhận ủy thác

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ từ Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính

nhà nước ngoài ngân sách khác có cùng đối tượng hỗ trợ tại địa phương.

Việc nhận ủy thác của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh với tổ chức, cá nhân ủy thác.

4.6. Ủy thác

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được ủy thác cho Quỹ Hỗ trợ nông dân, Hội Nông dân cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ trong quy trình cho vay nhằm tăng cường hiệu quả quản lý vốn vay, tiết kiệm chi phí.

Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức thỏa thuận tại hợp đồng ủy thác.

5. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính.

b) Năm tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

c) Báo cáo tài chính năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chế độ báo cáo

Quỹ Hỗ trợ nông dân lập và gửi các báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi Hội Nông dân tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương. Chi tiết các loại báo cáo và thời hạn báo cáo thực hiện tại Điều 37 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ./.